TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2025/DS-ST
Ngày: 01 – 4 - 2025
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Lâm và ông Lê Hữu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Nguyễn Bảo A- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐDS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P.

Địa chỉ: Số B B, N, Quận A, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T – Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân S- Giám đốc chi nhánh T2;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Quang H và ông Lương Xuân T1- Chuyên viên Quan hệ khách hàng cá nhân.

Cùng địa chỉ: Số A P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn:* Ông Lê Thanh H1, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông H, vắng mặt ông T1 và ông H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:*

Ông Lê Thanh H1 vay của Ngân hàng TMCP P (viết tắt là H4) tổng số tiền là 700,000,000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 570/23MB/HĐTD, ký ngày 11/01/2023; Dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 12/01/2023, các bên thỏa thuận về số tiền vay là 700.000.000 đồng, lãi suất vay 13,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng; mục đích vay vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh sơn, gạch men các loại.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 1316, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất tại thôn D (nay là Thôn D), xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 316,9m, diện tích đất thế chấp 316,9m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 684437, Số vào sổ cấp GCN; CH 003619 – Số 6374/QĐ – UBND, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/10/2018 mang tên ông Lê Thanh H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 570/23MB /HĐBĐ số công chứng 262 quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11 tháng 01 năm 2023; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 10/01/2024 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình thực hiện các hợp đồng cho vay nói trên, ông Lê Thanh H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với H4 từ ngày 10/01/2024 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng: Tính đến ngày 01/4/2025, ông Lê Thanh H1 còn nợ H4 số tiền là: Nợ gốc: 687.399.993 đồng; Nợ lãi: 1.098.497 đồng; Nợ lãi quá hạn: 162.434.409 đồng; Tổng cộng: 850.932.899 đồng.

H4 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Lê Thanh H1 trả nợ, tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng ông Lê Thanh H1 không thực hiện theo các yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay H4 yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Thanh H1 phải thanh toán cho H4 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi. Tổng cộng: 850.932.899 đồng

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi phát sinh đối với dư nợ gốc theo lãi suất quy định theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến ngày thực tế ông Lê Thanh H1 toán hết nợ cho V.

Trong trường hợp ông H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì H4 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản của ông Lê Thanh H1 là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 1316, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Thôn D (nay là thôn D), xã H, Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa, diện tích 316,9m, diện tích đất thế chấp 316,9m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 684437, Số vào sổ cấp GCN; CH 003619 – Số 6374/QĐ – UBND do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/10/2018 mang tên ông Lê Thanh H1 để thu hồi khoản nợ cho H4.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Lê Thanh H1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho H4 bằng nguồn thu và các tài sản hợp pháp khác cho đến khi khoản nợ được tất toán.

* Đối với bị đơn ông Lê Thanh H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn.

* Đối với tài sản bảo đảm là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 1316, tờ bản đồ số 7, địa chỉ Thôn D (nay là thôn D), xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 316,9m, diện tích đất thế chấp 316,9m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 684437 Số vào sổ cấp GCN; CH 003619 – Số 6374/QĐ - UBND huyện T cấp ngày 05/10/2018 mang tên ông Lê Thanh H1, chi tiết tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 570/23MB /HĐBĐ số công chứng 262 quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa H4 với ông Lê Thanh H1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp xác định: Tại thôn D xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 7, diện tích 316,9m, diện tích đất thế chấp 316,9m2, mụ đihs sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng : Lâu dài, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 684437 Số vào sổ cấp GCN; CH 003619 – Số 6374/QĐ - UBND do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/10/2018 mang tên ông Lê Thanh H1. Toàn bộ diện tích và hiện trạng tài sản thế chấp tại thời điểm thẩm định không có thay đổi so với hiện trạng và diện tích so với hồ sơ thẩm định của Ngân hàng.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải đúng trình tự tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên toà: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa được tiến hành xét xử công khai, liên tục, đúng thời gian, địa điểm và thành phần ghi trong quyết định xét xử, quyết định phân công Thẩm phán, việc xét hỏi, thẩm tra các tài liệu chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa khách quan

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành các yêu cầu cung cấp các tài liệu chứng cứ kịp thời và có tính pháp lý, tại phiên tòa tôn trọng Hội đồng xét xử, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

II. Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 275, 292, 463, 466, 468500, 501, 502 của Bộ luật dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng N; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H1 phải trả cho H4 số tiền nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn tính đến ngày 01/4/2025 là: 850.932.899đ và chịu lãi suất theo hợp đồng kể từ ngày 02/4/2025 cho đến khi thanh toán xong hoàn toàn khoản nợ.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, hoàn trả lại án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦ A TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, bị đơn ông Lê Thanh H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Do bị đơn cư trú tại huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: H4 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết buộc ông Lê Thanh H1 trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã vay của H4.

Tại biên bản xác minh ngày 18/3/2025 tại Phòng tài chính kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện T về việc đăng ký kinh doanh của ông Lê Thanh H1, bị đơn trong vụ án, xác định: Trên hệ thống không có tên hộ đăng ký kinh doanh Lê Thanh H1.

Do đó xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là quan hệ dân sự về " tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H1 đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Tại Hợp đồng tín dụng số 570/23MB/HĐTD, ký ngày 11/01/2023 giữa H4 và ông Lê Thanh H1 thể hiện: H4 cho ông Lê Thanh H1 vay số tiền là 700,000,000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, Lãi suất: 13,5%/năm. Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên cho ông Lê Thanh H1, ông H1 đã nhận đủ tiền, quá trình thực hiện hợp đồng ông Hoài H2 thực hiện nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 01/4/2025, ông Lê Thanh H1 mới thanh toán được 12.600.007đ, còn nợ lại H4 nợ gốc là: 687.399.993 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức, nội dung và mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín

dụng năm 2010; phù hợp với Điều 398, 463 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết của Hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Thanh H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông H1 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại cho H4 là 687.399.993 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 570/23MB/HĐTD, ký ngày 11/01/2023 giữa H4 và ông Lê Thanh H1, thể hiện: Lãi suất cho vay là 13,5%/năm, được điều chỉnh khi có thay đổi theo thông báo của H4 trong từng thời kỳ và lãi suất quá hanju = 150% lãi suất trong hạn trên số nợ gốc thực tế chưa thanh toán.

Xét thấy lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng không trái với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng, nên việc thỏa thuận lãi của H4 và ông Lê Thanh H1 có hiệu lực pháp luật.

Do ông Lê Thanh H1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi khi đến hạn nên ông H1 phải chịu toàn bộ nợ lãi và lãi suất quá hạn, tính đến ngày 01/4/2025 ông H3 còn nợ lại H4 lãi trong hạn = 1.098.497đ, lãi quá hạn = 162.434.409đ. Tổng cộng lãi = 163.532.906đ.

Từ những nhận định trên, buộc ông Lê Thanh H1 phải có nghĩa thanh toán cho H4 toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh, tính đến ngày 01/4/2025 là 850.932.899, trong đó nợ gốc = 687.399.993 đồng, lãi trong hạn và lãi quá hạn = 163.532.906đ.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, kể từ ngày 02/4/22025 ông Lê Thanh H1 còn phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền phải thanh toán cho H4 theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 570/23MB/HĐBĐ, ký ngày 11/01/2023 giữa H4 và ông Lê Thanh H1 thể hiện: Ông Lê Thanh H1 thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 1316, tờ bản đồ số 7, địa chỉ Thôn D (nay là thôn D), xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 316,9m, diện tích đất thế chấp 316,9m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 684437 Số vào sổ cấp GCN; CH 003619 – Số 6374/QĐ - UBND huyện T cấp ngày 05/10/2018 mang tên ông Lê Thanh H1. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 11/01/2023.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp nêu trên các bên đã tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung cũng như hình thức của pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm được quy định tại Điều 298 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167 Luật đất đai. Theo đó thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Do đó yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại

khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp với các thỏa thuận của hợp đồng thế chấp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trường hợp ông H1 không thanh toán được khoản nợ cho ngân hàng H4 thì phía H4 có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản để thu hồi khoản vay theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại án phí cho nguyên đơn số tiền tam ứng án phí đã nộp tại biên lại số 0006970, ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Vì các lý lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, 95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, và điểm b, c mục II Danh mục án phí, lệ phí kèm theo nghị quyết.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện H4: Buộc ông Lê Thanh H1 phải có trách nhiệm trả cho H4 tổng số tiền tính đến ngày 01/4/2025 là 850.932.899 đồng *(tám trăm năm mươi triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tắm trăm chín mươi chín đồng)*.

Trong đó: Nợ gốc là 687.399.993đ; Nợ lãi: 163.532.906đ (lãi trong hạn = 1.098.497đ, lãi quá hạn = 162.434.409đ).

2. Kể từ ngày 02/4/2025 cho đến khi thi hành án xong ông Lê Thanh H1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thoa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Lê Thanh H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì H4 có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý khối tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 1316, tờ bản đồ số 7, địa chỉ Thôn D (nay là thôn D), xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 316,9m, diện tích đất thế chấp 316,9m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 684437 Số vào sổ cấp GCN; CH 003619 – Số 6374/QĐ - UBND huyện T cấp ngày

05/10/2018 mang tên ông Lê Thanh H1 để thu hồi khoản vay theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Lê Thanh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.528.000đ

Hoàn trả lại cho H4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.939.000đ tại biên lai số 006970 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Lan

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa